

Message Text

UNCLASSIFIED

PAGE 01 KUALA 04935 01 OF 04 191010Z

11

ACTION ITFE-00

INFO OCT-01 EA-09 ISO-00 DHA-02 ORM-01 INSE-00 VOE-00 /013 W

----- 113342

P R 190826Z AUG 75

FM AMEMBASSY KUALA LUMPUR

TO SECSTATE WASHDC PRIORITY 1005

CG CAMP PENDLETON

SECDEF/PDASD(C)

JCS/J4

CG FORT CHAFFEE ARK

CG FORT CHAFFEE ARK

ELGIN AFB FLA

CINCPACREP GUAM ITPI MI

INDIANTOWN GAP, MR PENN

WAKE ISLAND

UNCLAS SECTION 1 OF 4 KUALA LUMPUR 4935

SECSTATE PASS IATF WASHDC

E.O. 11652: N/A

TAGS: SREF

SUBJ: MALAYSIA - NAMES OF 398 REFUGEES FLOWN TO
GUAM ON JULY 29 AND AUGUST 1

REF: STATE 189201, KUALA LUMPUR 4771

A. TO ASSIST IN REUNIFICATION OF REFUGEE FAMILIES
WE SUBMIT NAMES OF 398 REFUGEES WHO DEPARTED KUALA
LUMPUR FOR GUAM ON CHARTER FLIGHTS ON JULY 29 AND
AUGUST 1. EACH PARA DESIGNATES FAMILY OR INDIVIDUAL.

B. FLIGHT ONE - JULY 29

1. NGUYEN NGOC ANH (F) 25.

2. HUYNH VAN VIEN (M) 27, NGUYEN THI LONG MY (F)
24, HUYNH MING TUNG (M) 2, HUYNH MINH NHUT (M) 1.

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 02 KUALA 04935 01 OF 04 191010Z

3. CHAU VAN DE (M) 34, DANG THI HOANG (F) 34, CHAU

DANG KHOI (M) 9, CHAU DANG NGUYEN (M) 8, CHAU THI
NGOC LUAN (F) 5, CHAU DANG TUONG (M) 4, CHAU THI NGOC
DIEP (F) 3.

4. CAO QUOC QUOI (M) 36, HOANG BANG TAM (F) 36,
CAO HOANG HAI (M) 8, CAO HOANG OANH (F) 7, CAO HOANG
LAN (F) 2.

5. NGUYEN THANH TAM (M) 42, TRAN KIM LANG (F) 40,
NGUYEN KIM THANH TRANG (F) 3, NGUYEN KIM THANH TRUC
(F) 1, NGUYEN THI HUE (F) 18, VAN THI VAN (F) 18.

6. NGUYEN THANH CAN (M) 37, HUYNH NGOC YEN (F) 36,
TRAN THI LAN (F) 11, NGUYEN NGOC THANH HUONG (F) 9,
NGUYEN NGOC THANH THUY (F) 7, NGUYEN NGOC THANH
XUAN (F) 4, NGUYEN NGOC THANH KHIET (F) 2, NGUYEN
THANH LIEM (M) 1.

7. NGUYEN SI TRAP (M) 37, NGO THI THANH HUONG (F)
28, NGUYEN SI THANH HA (F) 4, NGUYEN SI THANH HOA
(F) 1.

8. NGO NGOC NGAN (M) 54, BUI THI DAU (F) 55, NGO
NGOC PHUONG (M) 28, NGO NGOC THUAN (M) 24, NGO THI
THANH TAM (F) 22, VO THI TUYET NGA (F) 23, NGO THI
THANH LOAN (F) 20, NGO THI THANH TRUC (F) 18, NGO
NGOC THANH (M) 14, NGO THI THANH DAO (F) 8, NGO THI
MAI TRAM (F) 4, NGO NGOC DUC (M) 2, NGO NGOC THANH (M) 1,
NGO NGOC KHANH (M) 4.

9. TRAN THI YEN (F) 21, TRAN LINH (M) 2, TRAN CHAU
(F) 1.

10. TRAN VIET KHIEN (M) 43, TRAN THI CAI (F) 42,
TRAN VIET VINH (M) 16, TRAN THI YEN (F) 14, TRAN VIET
KHIEN (M) 12, TRAN THI LAN (F) 9, TRAN VIET PHUOC (M)
4.

11. NGUYEN VAN QUANG (INVALID) (M) 34, NGUYEN ANH
TUAN (M) 10.
UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 03 KUALA 04935 01 OF 04 191010Z

12. DIEP NANG NGHIA (M) 57, VO THI NGHIA (F) 47,
DIEP NU SONG MAI (F) 20, DIEP NU MONG HOA (F) 12,
DIEP NU THAI LONG (F) 10, DIEP HOANG HA (F) 8, DIEP
DO LONG (M) 6, DIEP BAO TAN (M) 4.

13. CHE A MUI (F) 29, PHAN A CAU (M) 13, PHAN LU
MUI (F) 8, PHAN SI MUI (F) 4, PHAN A PHUC (M) 2.

14. NGUYEN VAN TAI (M) 45, LE THI NHUAN (F) 39,
NGUYEN THE NANG (M) 23, NGUYEN THE SON (M) 8, NGUYEN
THAI DUNG (M) 2, NGUYEN NGOC TRI (F) 20, NGUYEN THI
NGOC HUE (F) 18, NGUYEN THI NGOC THANH (F) 16, NGUYEN
THI MY LINH (F) 13, NGUYEN THI MY LIEN (F) 10, NGUYEN
THI MY HONG (F) 5.

15. LAM SI DINH (F) 46, LAM SI MUI (F) 16.

16. NGO TIEU YEN (F) 16, NGO TAC BAO (M) 14, NGO
TAC LUONG (M) 12, NGO MY (F) 5, NGO TAC PHU (M) 3.

17. NGUYEN VAN PHAC (M) 53, NGUYEN THI PHIM (F) 47,
NGUYEN DINH CAU (M) 21, NGUYEN THI CANH (F) 15,
NGUYEN THI MAI (F) 10, NGUYEN THI HUONG (F) 8, NGUYEN
DINH BAC (M) 6.

18. TRAN NHI MUI (F) 47, CHI DAN PHI (M) 16, CHI LAP
PHI (M) 4.

19. TRUONG VAN NGHIA (M) 33, DO THI THU DUNG (F) 27,
TRUONG VAN QUOC HUY (M) 6, TRUONG VAN QUOC HAN (M) 5,
TRUONG DO QUYNH TRAM (F) 3.

20. PHAM MINH HOA (M) 33, HUYNH THI THANH (F) 32,
PHAM DUY THUC (M) 8, PHAM DUY KHOA (M) 6, PHAM DONG
HAI (M) 1.

21. DO QUANG HUNG (M) 38, NGUYEN THI LAN PHUONG (F)
27, DO QUANG DIEM CHAU (F) 2, DO QUANG DIEM HUONG (F)
1, DO THI PHI PHUONG (F) 38, DO THI KIM THUY (F) 30,
DO THI PHUONG ANH (F) 22.

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 04 KUALA 04935 01 OF 04 191010Z

UNCLASSIFIED

NNN

UNCLASSIFIED

PAGE 01 KUALA 04935 02 OF 04 191004Z

11

ACTION ITFE-00

INFO OCT-01 EA-09 ISO-00 DHA-02 ORM-01 INSE-00 VOE-00 /013 W

----- 113268

P R 190826Z AUG 75

FM AMEMBASSY KUALA LUMPUR

TO SECSTATE WASHDC PRIORITY 1006

CG CAMP PENDLETON

SECDEF/PDASD(C)

JCS/J4

CG FORT CHAFFEE ARK

CG FORT CHAFFEE ARK

ELGIN AFB FLA

CINCPACREP GUAM ITPI MI

INDIANTOWN GAP, MR PENN

WAKE ISLAND

UNCLAS SECTION 2 OF 4 KUALA LUMPUR 4935

22. LE VAN GIAU (M) 43, NGUYEN THI KIM LOAN (F) 36,
LE THI KIM OANH (F) 16, LE THI KIM PHUONG (F) 14, LE
THI NGOC THANH (F) 12, LE THANH NGOC (F) 9, LE THI
HONG HANH (F) 6.

23. CHUNG BACH VAN (F) 42, LY TONG TAN (M) 18, LY
BACH PHUONG (F) 17, LY TONG CHAU (M) 10, DUONG THI
MY (F) 63, NGUYEN VAN MANH (M) 20, MAI THI TU (F) 21.

24. TRAN DINH ANH (M) 36, NGUYEN THI PHUONG (F) 35,
TRAN DINH HUNG (M) 14, TRAN THI THU HA (F) 13, TRAN THI
THU HANG (F) 12, TRAN KHAI HUNG (M) 8, TRAN NGOC HAN (M)
6, TRAN THI BICH HUYEN (F) 2.

25. PHAN THI XUAN (F) 22, DANG QUOC BINH (M) 2.

26. PHAM NGOC HUAN (M) 38, NGO THI KIM OANH (F) 31,
PHAM THI HANH QUYEN (F) 11, PHAM QUOC CHINH (M) 10,
PHAM QUOC BINH (M) 9, PHAM DUY THIEN (M) 8, PHAM THIEN
QUANG (M) 7, PHAM MY QUYNH TRAN (F) 6, PHAM MY TUYET LOAN
(F) 5, PHAM QUOC DANG (M) 2.

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 02 KUALA 04935 02 OF 04 191004Z

27. DANG SAU (M) 24.

C. FLIGHT TWO - AUGUST 1

1. NGUYEN GIAC VAN (M) 30, PHAM THI DINH (F) 22.

2. LIM PHAM (M) 16.

3. VU VAN DINH (M) 20, VU VIET LONG (M) 16.

4. DANG GIANG SON (M) 34, NGUYEN THI KIM QUI (F) 31,
DANG XUAN QUANG (M) 13, DANG THI KIM PHUONG (F) 10,
DANG SON HA (M) 9, DANG THI DOAN TRANG (F) 7.

5. DAO XUAN YEN (M) 44, PHAM THI HA (F) 44.

6. LA VAN BEN (M) 40, NGUYEN ANH NGUYET (F) 20.

7. TRAN VAN LUU (M) 39.

8. TRINH VIET HIEN (M) 46.

9. TRAN DANG KINH (M) 34.

10. LE QUANG TRUNG (M) 21.

11. NGUYEN HUU TRONG (M) 32.

12. DINH HUNG NAM (M) 21.

13. NGUYEN DUC KHANG (M) 25.

14. NGUYEN HUU VINH (M) 26.

15. UNG PHI VAY (F) 21, SY KHANH HUNG (M) 22.

16. YN TAC SENH (M) 42, LIN HANG (F) 34, YN PHUNG (F)

14, YN LING (F) 12, YN HUNG (M) 10, YN CHI (M) 9.

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 03 KUALA 04935 02 OF 04 191004Z

17. TRAN VINH (M) 25.

18. NGUYEN MINH SANG (M) 40.

19. PHAM QUI HUYEN (M) 20.

20. TO VINH LOI (M) 36.

21. PHAN CHI KHAM (M) 38.

22. HOANG NGOC ANH (M) 26, TRAN HONG HOANG (M) 21.

23. NGUYEN HUU VUONG (M) 42.

24. DUONG BINH (M) 32.

25. TRUONG QUANG THO (M) 37, TRUONG HUNG (M) 27,
LAI NGA SU (F) 24.

26. TRAN VAN BAY (M) 44, NGUYEN THE HUNG (M) 37.

27. VU HUY THONG (M) 26, VU VAN HIEN (M) 33, CONG
HUYEN TON NU MINH DIEP (F) 25.

28. NGUYEN HUU DUC QUYNH (M) 40, VU BA HOAN (M) 31.

29. LE QUYEN (M) 38, DO THI NGOC ANH (F) 28, LE
ANH QUYEN (F) 12, 12, LE QUOC (M) 10, LE ANH QUYEN QUYEN
(F) 8.

30. NGUYEN THI NHO (F) 68, NGUYEN THI MEN (F) 27,
NGUYEN THI MUNG (F) 21.

31. VO MINH HUE (M) 28.

32. LAI QUOC THAI (M) 52, LAI A VA (M) 23, LAI A SANG
(M) 20.

33. NGUYEN VAN LIEM (M) 42, LE THI XUAN HONG (F) 38,
NGUYEN THI NGOC BICH (F) 16, NGUYEN THI NGOC LIEN (F) 14,
UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 04 KUALA 04935 02 OF 04 191004Z

NGUYEN THI NGOC DUNG (F) 6, DOAN THI LANG (F) 17.

34. VU VAN CHAN (M) 40.

35. QUACH NGOC LIEM (M) 30.

36. NGUYEN QUANG MINH (M) 27, QUACH THI XUAN (F) 26.

37. LUU VY (M) 21.

38. TA TRONG HUY (M) 39. NGUYEN VAN KHOI (M) 39.

40. LUONG THU HOA (M) 27.

41. LUONG THE VINH (M) 30.

42. PHAN VAN DAI (M) 55.

43. NGO TUONG DINH (M) 28.

44. NGO VAN DAO (M) 37.

45. NGUYEN DUC THONG (M) 54.

UNCLASSIFIED

NNN

UNCLASSIFIED

PAGE 01 KUALA 04935 03 OF 04 191018Z

21

ACTION ITFE-00

INFO OCT-01 EA-09 ISO-00 DHA-02 ORM-01 INSE-00 VOE-00 /013 W

----- 113449

P R 190826Z AUG 75

FM AMEMBASSY KUALA LUMPUR

TO SECSTATE WASHDC PRIORITY 1007

CG CAMP PENDLETON

SECDEF/PDASD(C)

JCS/J4

CG FORT CHAFFEE ARK

CG FORT CHAFFEE ARK

ELGIN AFB FLA

CINCPACREP GUAM ITPI MI

INDIANTOWN GAP, MR PENN

WAKE ISLAND

UNCLAS SECTION 3 OF 4 KUALA LUMPUR 4935

46. LE VAN THANG (M) 21.

47. NGUYEN HUU DUY (M) 38, VO QUANG HONG DIEM (F) 38,
DO DUY LAM (M) 11, NGUYEN THI HONG TRANG (F) 9, NGUYEN
DUY THANH (M) 7, NGUYEN DUY TAM (M) 4.

48. TO NGOC AN (M) 36, DINH THI DIM QUI (F) 30, TO THI
DIEM QUYEN (F) 5, TO THI MINH LUAN (F) 4.

49. PHAM LONG (M) 54,NCLAQ
X87),#(##6-1,OTJBM-5;04/\$
**&HHIESF03(F) 16, PHAM THI KINH (F) 11, PHAM HANH
(M) 11, PHAM DUC TRONG (M) 9.

50. TRAN LOC (M) 53, TRAN TOAN (M) 17.

51. DANG AN MINH (M) 55, DANG MY AN (F) 19.

52. LUONG LAP MIEU (M) 54.

53. TRAN THI THOA (F) 24, TRAN THE PHIET (M) 12,

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 02 KUALA 04935 03 OF 04 191018Z

TRAN QUOC TRUC (M) 10.

54. LE VAN TANH (M) 23.

55. TRAN NGOC QUA (M) 26.

56. LAM CHAU (M) 30.

57. PHAN VAN SUNG (M) 60, PHAN LE HANG (F) 15.

58. NGUYEN VAN EN (M) 25.

59. VU VAN NGA (M) 28.

60. DINH QUANG BINH (M) 20.

61. TO BOI SON (M) 57, TO THE HE (M) 14, TO THE TRI
(M) 12.

62. DO MANH HUNG (M) 24.

63. PHAM VAN RANG (M) 50, PHAM THI THINH (F) 45, PHAM
VAN TAO (M) 11, PHAM THI QUI (F) 9, PHAM VAN CUONG (M)
7, PHAM VAN THAI (M) 5, PHAM VAN BINH (M) 3, PHAM VAN
MINH (M) 1, PHAM VIET (M) 57, NGUYEN THI DAM
(F) 47, PHAM VAN LIEU (M) 11, PHAM DUY TUAN (M) 9,
PHAM MINH CHI (M) 7.

64. VONG NGOC GIENG (M) 40.

65. TSAN SI KOEI (M) 54.

66. CUN SAU SANG (M) 48, VONG A MUI (F) 37, CUN SAY
LIEN (F) 14, CUN SAY HOA (F) 6, CUN SAY KIU (F) 4,
CUN SAY BINH (F) 1, CUN SAY SA (M) 10, CUN SAY PHONG
(M) 12, CUN SAY HOI (M) 8.

67. TANG A DUONG (M) 20.

68. TRAN VAN XINH (M) 24.

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 03 KUALA 04935 03 OF 04 191018Z

69. TRAN DAC (M) 46, NGUYEN THI VIEN (F) 41, TRAN

DAC TRUNG (M) 17.

70. NGUYEN CONG TRUNG (M) 34.

71. TRUONG HOI (M) 27.

72. LE VAN TY (M) 18.

73. NGUYEN DUC TUAN (M) 31, NGUYEN THI LE (F) 26,
NGUYEN DUC BAO THUY (M) 7, NGUYEN THI HUYNH CHI (F) 4.

74. NGUYEN THANH BUU (M) 31.

75. NGUYEN VAN MEO (M) 24.

76. BUI SY (M) 39.

77. NGUYEN DUC VINH (M) 38, NGUYEN TRUNG THANH (M) 7,
NGUYEN PHEP (M) 25, TRAN VAN HOACH (M) 25.

78. NGUYEN KIM QUANG (M) 38.

79. VU VAN JOI (M) 27.

80. NGUYEN TRAN KHAI (M) 38.

81. LAM CHIEU (M) 28.

82. NGUYEN THANH AI (M) 42.

83. HOANG THI NAM (F) 52.

84. NGUYEN DAI (M) 30.

85. LE VAN THUAN (M) 33.

86. LE THANH HUNG (M) 25.

87. NGUYEN HUU NGOC (M) 21.

UNCLASSIFIED

NNN

UNCLASSIFIED

PAGE 01 KUALA 04935 04 OF 04 191023Z

11

ACTION ITFE-00

INFO OCT-01 EA-09 ISO-00 DHA-02 ORM-01 INSE-00 VOE-00 /013 W

----- 113504

P R 190826Z AUG 75

FM AMEMBASSY KUALA LUMPUR

TO SECSTATE WASHDC PRIORITY 1008

CG CAMP PENDLETON

SECDEF/PDASD(C)

JCS/J4

CG FORT CHAFFEE ARK

CG FORT CHAFFEE ARK

ELGIN AFB FLA

CINCPACREP GUAM ITPI MI

INDIANTOWN GAP, MR PENN

WAKE ISLAND

UNCLAS SECTION 4 OF 4 KUALA LUMPUR 4935

88. CAO XUAN DONG (M) 23.

89. NGUYEN DAN THANH HUNG (M) 39.

90. VU VAN LIEN (M) 24.

91. PHAM DINH SU (M) 38.

92. TRINH VAN DUC (M) 27.

93. NGUYEN VAN UT (M) 32.

94. LY VAN HUY (M) 14.

95. NGUYEN VAN TRONG (M) 25.

96. NGUYEN VAN HUYNH (M) 49.

97. HA HOANG THANH (M) 26, HA THANH HUE (M) 54, PHAM
THI TRINH (F) 48, HA THANH HUYEN (F) 24, HA THANH HUAN
(M) 20, NGUYEN NGOC KHANH (M) 27.

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 02 KUALA 04935 04 OF 04 191023Z

98. NGUYEN DUC HIEP (M) 41. MAI THI LONG (F) 30,
NGUYEN THI HOANG ANH (F) 8, NGUYEN THI PHUONG LINH (F) 7,
NGUYEN DUC HIEN (M) 5, NGUYEN THI THU VINH (F) 3,
NGUYEN THI MY HANH (F) 1.

99. MAI DUNG VAN (M) 57, MAI THI VINH (F) 55, MAI THI
NHAN (F) 27, MAI THI NGOC LAN (F) 17.

100. NGUYEN DANG HUY (M) 38, NGUYEN LE THI THUC (F) 35,

NGUYEN LE HOANG THAI (M) 14, NGUYEN LE HOANG THANG (M)
13, TRUONG THI TY (F) 74, LE THI BONG (F) 49, NGUYEN
LE DIEM HANH (F) 11, CHU MINH LAN (M) 17, CHU THI MINH
KINH (F) 16.

101. LE KHANH (M) 36, LE TRAN THI HANH (F) 35, LE
QUAN (M) 12, LE TRAN GIAN (M) 11, LE HONG BANG (M) 10,
LE THI MAI TRINH (F) 7.

102. VAN THANH (M) 36, VAN TRUONG NGUYET BACH (M) 34,
LE ANH TUAN (M) 17, VAN THI THU HA (F) 15, VAN THI TO
CHAU (F) 3, VAN TRUONG HO HAI (M) 1.

103. TUONG HO HA (M) 35, TUONG TRAN THI LANG (F) 33.

104. TRUONG TRIEU HONG (M) 55, TRUONG AU THUAN KHAI
(F) 53.

105. CHUNG THOAI SANH (M) 49, CHUNG AU DUONG NGUYEN
(F) 42, CHUNG AU MINH LY (M) 13, CHUNG AU MINH TRI (M)
11, CHUNG AU YEN (F) 10, CHUNG AU MY CHI (F) 8.

106. VU QUOC KHA (M) 33, VU PHAM KIM DUNG (F) 33,
VU QUOC TO THU (F) 4, VU QUOC TO TAM (F) 1.

107. TRAN THI DIEP (F) 30, LY PHONG BANG (M) 3,
NGO THI GIANG (F) 16.

108. TRAN TAN DAT (M) 38, TRAN NGUYEN THI HONG LE (F)
34, TRAN THI HONG DUYEN (F) 9.

UNCLASSIFIED

UNCLASSIFIED

PAGE 03 KUALA 04935 04 OF 04 191023Z

109. TRINH VAN HON (M) 35, TRAN THI LIEN HUE (F) 33,
TRAN TRUC MAI (F) 7.

110. NGUYEN VAN Y (M) 33, NGUYEN HA THI HUE (F) 21.

111. NGUYEN PHUC HUNG (M) 29.
DILLON

UNCLASSIFIED

NNN

Message Attributes

Automatic Decaptioning: X
Capture Date: 01 JAN 1994
Channel Indicators: n/a
Current Classification: UNCLASSIFIED
Concepts: REFUGEES, REFUGEE RESETTLEMENT
Control Number: n/a
Copy: SINGLE
Draft Date: 19 AUG 1975
Decaption Date: 01 JAN 1960
Decaption Note:
Disposition Action: n/a
Disposition Approved on Date:
Disposition Authority: n/a
Disposition Case Number: n/a
Disposition Comment:
Disposition Date: 01 JAN 1960
Disposition Event:
Disposition History: n/a
Disposition Reason:
Disposition Remarks:
Document Number: 1975KUALA04935
Document Source: CORE
Document Unique ID: 00
Drafter: n/a
Enclosure: n/a
Executive Order: N/A
Errors: N/A
Film Number: D750286-0025
From: KUALA LUMPUR
Handling Restrictions: n/a
Image Path:
ISecure: 1
Legacy Key: link1975/newtext/t19750840/aaaabjce.tel
Line Count: 591
Locator: TEXT ON-LINE, ON MICROFILM
Office: ACTION ITFE
Original Classification: UNCLASSIFIED
Original Handling Restrictions: n/a
Original Previous Classification: n/a
Original Previous Handling Restrictions: n/a
Page Count: 11
Previous Channel Indicators: n/a
Previous Classification: n/a
Previous Handling Restrictions: n/a
Reference: 75 STATE 189201, 75 KUALA LUMPUR 4771
Review Action: RELEASED, APPROVED
Review Authority: ellisoob
Review Comment: n/a
Review Content Flags:
Review Date: 20 FEB 2003
Review Event:
Review Exemptions: n/a
Review History: RELEASED <20 FEB 2003 by ReddocGW>; APPROVED <14 JAN 2004 by ellisoob>
Review Markings:

Margaret P. Grafeld
Declassified/Released
US Department of State
EO Systematic Review
06 JUL 2006

Review Media Identifier:
Review Referrals: n/a
Review Release Date: n/a
Review Release Event: n/a
Review Transfer Date:
Review Withdrawn Fields: n/a
Secure: OPEN
Status: NATIVE
Subject: MALAYSIA - NAMES OF 398 REFUGEES FLOWN TO GUAM ON JULY 29 AND AUGUST 1
TAGS: SREF, MY
To: STATE
Type: TE
Markings: Margaret P. Grafeld Declassified/Released US Department of State EO Systematic Review 06 JUL 2006